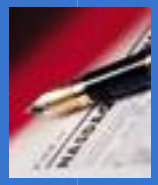

CHƯƠNG 3

KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG VÀ CHIẾT KHẤU GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Mục tiêu

- Biết được các hình thức cho vay tại ngân hàng thương mại
- Biết cách tính lãi các sản phẩm tín dụng
- Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc kế toán
- Xử lý được các tình huống liên quan nghiệp vụ tín dụng

Nội dung

- Khái quát về nghiệp vụ tín dụng.
- Các phương pháp thu gốc, lãi.
- Nguyên tắc kế toán
- Kế toán nghiệp vụ tín dụng
- Kế toán trích lập và sử dụng dự phòng RRTD.
- Kế toán xử lý nợ xấu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-Chuẩn mực số 14 – Doanh thu và thu nhập khác theo Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC.

-Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN về "Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng" và các QĐ bổ sung: 127/2005/QĐ-NHNN, 783/2005/QĐ-NHNN.

-QĐ1325/2004/QĐ-NHNN Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu GTCG
của TCTD đối với KH

-QĐ 26/2006/QĐ-NHNN v/v Quy chế bảo lãnh NH

-QĐ 59/2006/QĐ-NHNN v/v Quy chế mua, bán nợ của các TCTD

-Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/3/2014 về "Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Tổ chức tín dụng".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định mua bán và xử lý nợ xấu của công quy quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ban hành ngày 6/9/2013
- Công văn 8499/NHNN –TCKT hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD ban hành ngày 14/11/2013.

3.1 Khái quát về kế toán nghiệp vụ tín dụng

3.1.1 Phân loại nghiệp vụ tín dụng ngân hàng

Thời hạn cho vay

Ngắn hạn
-CV từng lần
-CV trả góp
-CV dự án
-Chiết khấu
-Bảo lãnh
-CV hạn mức

Trung hạn
-CV từng lần
-CV dự án
-Cho thuê tài chính
-Hợp vốn

Dài hạn
-CV từng lần
-CV dự án
-Cho thuê tài chính
-Hợp vốn

3.1 Tổng quan về kế toán nghiệp vụ tín dụng

3.1.2 Phương pháp tính và thu gốc, lãi

a. Thu nợ gốc nợ lãi khi đến hạn

b.Thu nợ theo định kỳ

- Thu lãi định kỳ, thu gốc khi đến hạn.
- Thu nợ gốc và nợ lãi theo định kỳ:
  - Thu gốc cố định, lãi theo dư nợ.
  - Thu gốc và lãi với tổng số tiền đều nhau mỗi kỳ.

c. Thu nợ không theo kỳ hạn cụ thể:

Quy trình tín dụng ảnh hưởng đến kế toán

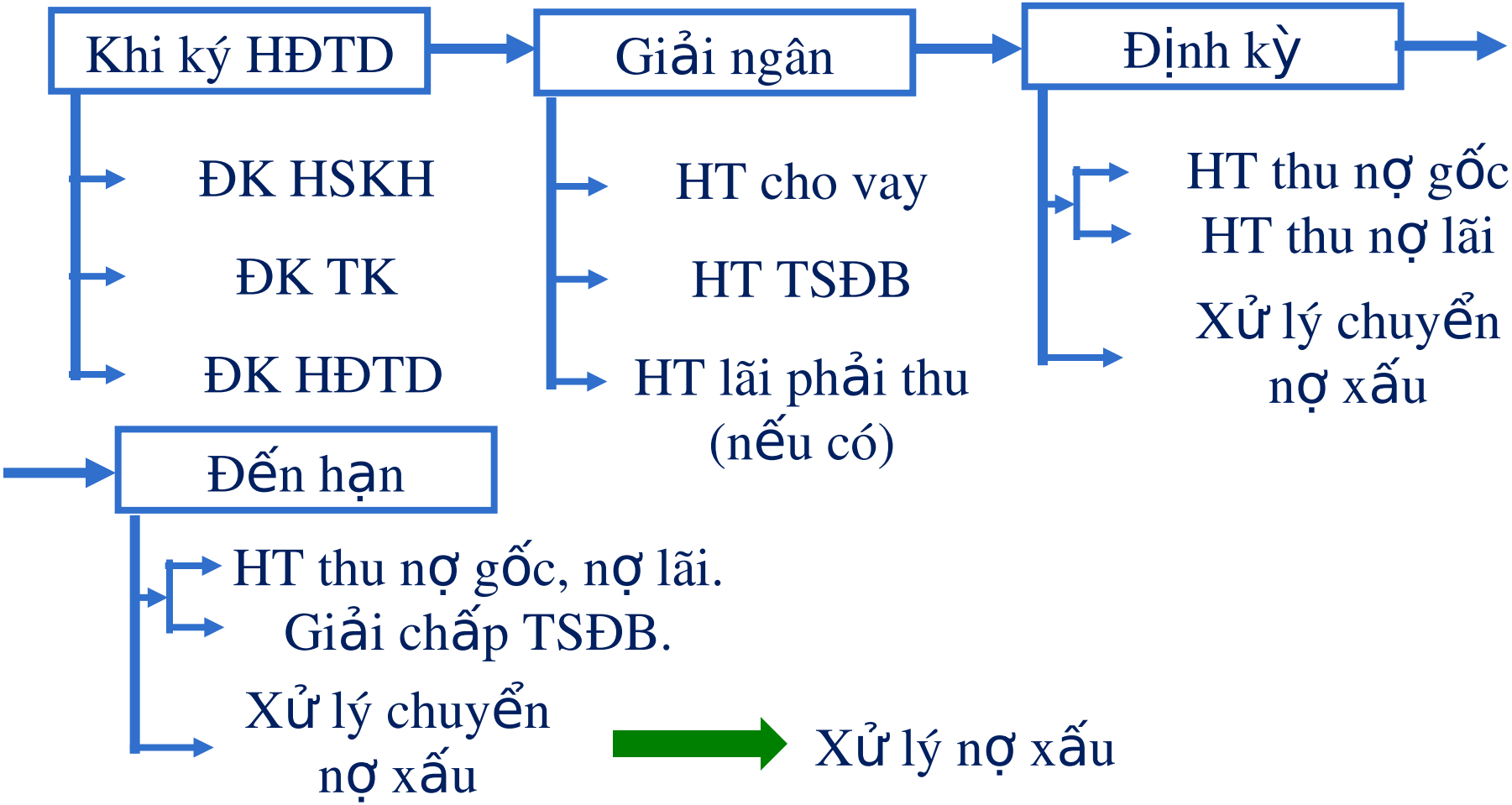

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN

- Áp dụng chuẩn mực kế toán số 14: “ Doanh thu & thu nhập khác” để ghi nhận tiền lãi
- Tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
  - Được xác định tương đối chắc chắn
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở
  - Thời gian thực tế
  - Lãi suất từng từng kỳ
- Áp dụng nguyên tắc thận trọng, giá gốc để phản ánh số tiền vay, chuyển nợ quá hạn, giảm lãi dự thu

3.3. Phương pháp kế toán- Kế toán cho vay – thu nợ

TK 21 – Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước

- 211- Cho vay ngắn hạn VND
- 212- Cho vay trung hạn VND
- 213- Cho vay dài hạn VND
- 214- Cho vay ngắn hạn ngoại tệ và vàng
- 215- Cho vay trung hạn ngoại tệ và vàng
- 216- Cho vay dài hạn ngoại tệ và vàng

3.3. Phương pháp kế toán- Kế toán cho vay – thu nợ

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản tiền vay

- Giải ngân
- Chuyển nợ

- Thu nợ gốc
- Chuyển nợ thích hợp

Dư nợ: Số tiền cịn cho vay

Lãi phải thu - 394

Lãi phải thu từ hoạt đđộng TD

- Thu lãi
- Thoái thu

Lãi chưa đến hạn

- Các tài khoản khác: tiền mặt, tiền gửi khác, thanh toán vốn, thu nhập lãi (7020), chi phí khác (8900),…

TK 219 "Dự phịng rủi ro"

Xử lý các khoản phải thu khĩ địi khơng thu được Đ/c chênh lệch số dự phịng đã trích lập lớn hơn số dự phịng cần trích lập để giảm chi	Số tiền trích lập DP được tính vào CP trong kỳ
	Dư cĩ: số DP cần lập

3.3. Phương pháp kế toán- Kế toán cho vay – thu nợ

TK 94 "Lãi cho vay chưa thu được

Số tiền lãi chưa thu được	Số tiền lãi đã thu được
Số cịn lại: Số tiền lãi cho vay đã quá hạn mà NH chưa thu được	

3.3. Phương pháp kế toán- Kế toán cho vay – thu nợ

TK 994 "TS thế chấp, cầm cố của KH

-Giá trị TS cầm cố, TC giao cho TCTD nhằm ĐB nợ vay	-Giá trị TS cầm cố, TC trả lại cho KH sau khi thu hồi nợ Giá trị TS cầm cố, TC được đem đi phát mại để thu hồi nợ vay

Số cịn lại: Giá trị TS cầm cố, TC mà TCTD đang quản lý của KH

3.3. Phương pháp kế toán- Kế toán cho vay – thu nơ

- ***Chư ng tư` gô´c:***
  - Đơn xin vay
  - Hợp đô`ng ti´n dụng
  - Hợp đô`ng thê´ châ´p bảo la~nh, câ`m cô´ ta`i sản
  - Phương a´n sản xuâ´t kinh doanh.
  - Kê´ hoạch vay vô´n trả nợ.
  - Ca´c ba´o ca´o ta`i chi´nh của kha´ch ha`ng đơn vay vô´n
  - Ca´c giâ´y tơ` liên quan đê´n việc vay vô´n.
- ***Chư ng tư` ghi sổ:***
  - Giâ´y li~nh tiê`n mặt.
  - Ca´c chư´ng tư` thanh toa´n không du`ng tiê`n mặt
  - Phiê´u chuyển khoản va` bảng kê ti´nh la~i ha`ng tha´ng.

3.3. Phương pháp kế toán- Kế toán cho vay – thu nợ

- **Kế toán phát tiền vay**
  - Nợ TK 994- Tài sản thế chấp cầm cố của khách hàng (nếu có)
  - Đồng thời hạch toán nội bảng số tiền gốc cho vay:

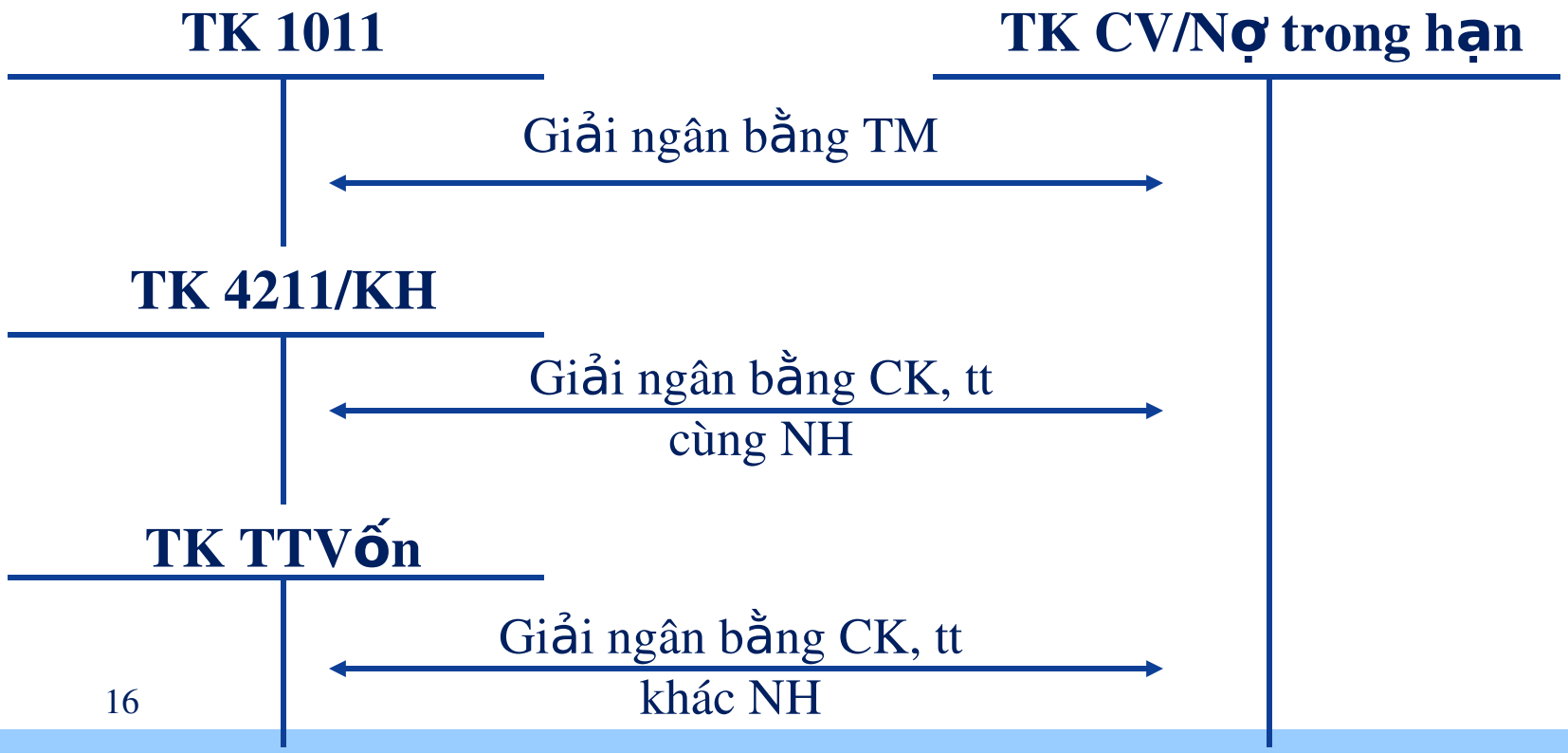

3.3. Phương pháp kế toán- Kế toán cho vay – thu nợ

❖Thu laĩ

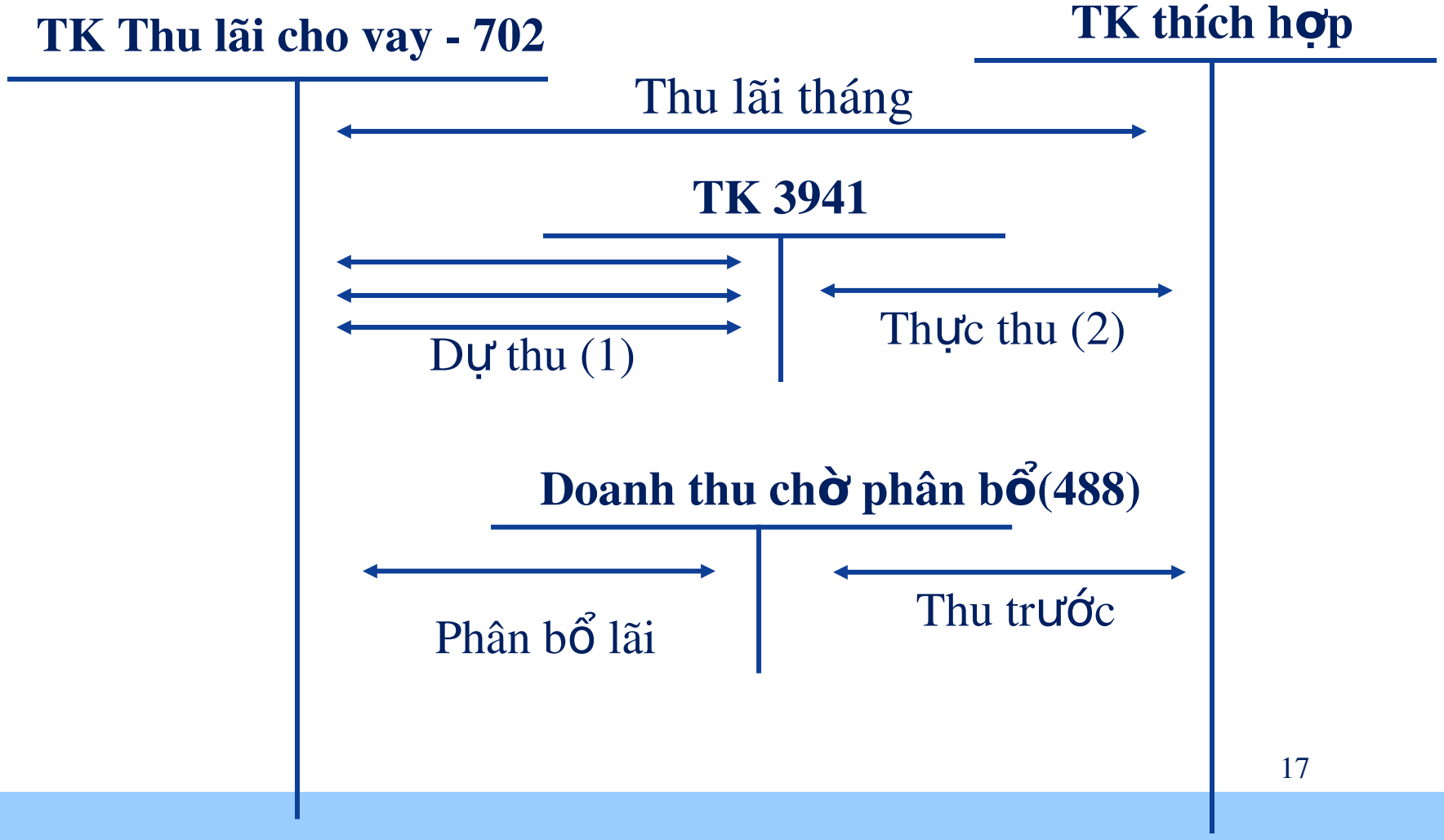

3.3. Phương pháp kế toán- Kế toán cho vay – thu nợ

❖Thu laĩ

Trong trường hợp khách hàng không trả lãi xử lý thế nào?

Thu được lãi đã quá hạn xử lý thế nào?

Chuẩn mực kế toán số 14
Thông tư 05/2013/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ tài chính đối với TCTD

3.3. Phương pháp kế toán- Kế toán cho vay – thu nợ :

HẠCH TOÁN

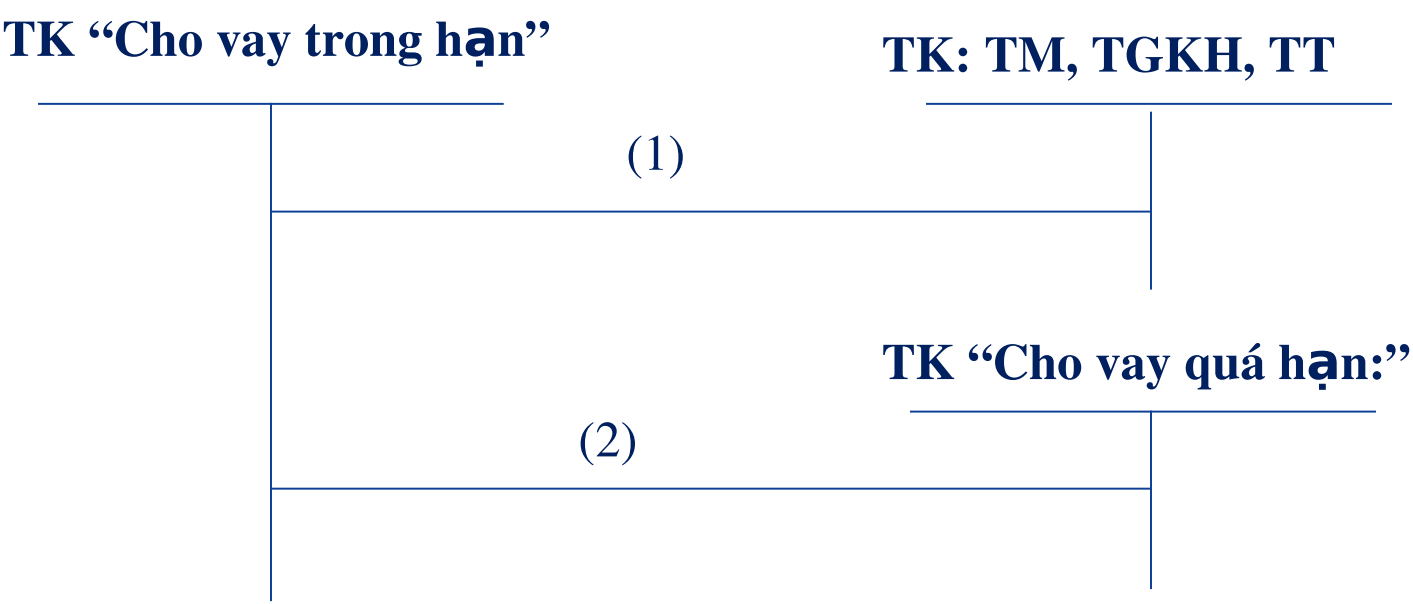

(1) Cĩ TK "tài sản thế chấp, cầm cố của KH"

(2) Nợ TK "Lãi quá hạn chưa thu được"

3.3.3 Kế toán nghiệp vụ bảo lãnh

- **Khái niệm:** Bảo lãnh Ngân hàng là cam kết bằng văn bản của tổ chức tín dụng (bên bảo lãnh) với bên có quyền (bên nhận bảo lãnh) về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng (bên được bảo lãnh) khi khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh. Khách hàng phải nhận nợ và trả nợ cho tổ chức tín dụng số tiền đã được trả thay.

Quy chế bảo lãnh

3.3.3 Kế toán nghiệp vụ bảo lãnh

- **TK 24: Trả thay khách hàng**
  - ***241: Trả thay khách hàng bằng VNĐ.***
  - ***242: Trả thay khách hàng bằng ngoại tệ.***

TK 241, 242

➢ Số tiền trả thay khách hàng	➢ Số tiền khách hàng trả nợ ➢ Số tiền chuyển nhóm nợ thích hợp
DNợ: Số tiền trả thay KH chưa trả nợ	

3.3.3 Kế toán nghiệp vụ bảo lãnh

- **TK Doanh thu chờ phân bổ – 488**
- **TK Thu nhập bảo lãnh – 704**
- **TK ký quỹ bảo lãnh - 4274**
- **Tài khoản 921: Cam kết bảo lãnh cho khách hàng**
  - TK 9211 - Bảo lãnh vay vốn
  - TK 9212 - Bảo lãnh thanh toán
  - TK 9213 - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
  - TK 9214 - Bảo lãnh dự thầu
  - TK 9215 - Cam kết trong nghiệp vụ L/C trả chậm
  - TK 9216 - Cam kết trong nghiệp vụ L/C trả ngay
  - TK 9219 - Cam kết bảo lãnh khác

3.3.3 Kế toán nghiệp vụ bảo lãnh

- **NH phải tiến hành thẩm định TD => xác định giá trị BL**

  Giá trị bảo lãnh = Giá trị hợp đồng kinh tế - Mức ký quỹ

- **Khi cam kết bảo lãnh cho KH:**
  - ***KH ký quỹ bảo lãnh***

    Nợ TK thích hợp/KH

    Có TK ký quỹ bảo lãnh (4274)/KH
  - ***Nhận TS cầm cố thế chấp của KH:*** Nợ TK 994
  - ***Ghi nhận bảo lãnh cho KH:*** Nợ TK 921: Giá trị bảo lãnh
  - ***Thu phí bảo lãnh:***

    Nợ TK thích hợp

    Có TK Doanh thu chờ phân bổ - 488

  => Số phí này sẽ được phân bổ dần vào Thu nhập bảo lãnh – 704

3.3.3 Kế toán nghiệp vụ bảo lãnh

- **Đến hạn thanh toán:** Có TK 921
  - ***KH hoàn thành nghĩa vụ trả nợ***
  - ***KH không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ***

Nợ TK ký quỹ bảo lãnh (4274)/KH : Số tiền Ký quỹ

Nợ TK thích hợp/KH : ST KH còn

Nợ TK trả thay khách hàng (241)/KH : ST trả thay

Có TK thích hợp/bên nhận bảo lãnh : Giá trị HĐ

Ví dụ

- Đơn xin bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu đã ký với bên nhập khẩu tại Hàn Quốc 200.000 USD. Đơn vị trích TK tiền gửi ngoại tệ của đơn vị ký quỹ 50.000 USD, trích TK tiền gửi thanh toán trả phí bảo lãnh 3.000.000đ và nộp lại hồ sơ tài sản thế chấp trị giá 300.000 USD. NH kiểm soát thấy hồ sơ hợp lệ nên đồng ý thực hiện yêu cầu của đơn vị.

3.3.3 Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

- ***Khái niệm:***
- ***Là nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn, trong đó KH chuyển nhượng thương phiếu chưa đến hạn thanh toán cho NH để nhận một số tiền bằng mệnh giá của thương phiếu trừ đi (-) số tiền chiết khấu và hoa hồng phí (nếu có). NH sẽ thu hồi nợ từ người mắc nợ khi các thương phiếu & GTCG đó đến hạn thanh toán.***
- ***Các loại chiết khấu:***
  - ***Chiết khấu miễn truy đòi***
  - ***Chiết khấu truy đòi***

Quy chế chiết khấu

3.3.3 Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

- ***Lợi ích của nghiệp vụ chiết khấu:***
- ***Quy định trong nghiệp vụ chiết khấu:***
  - **Đối tượng chiết khấu**
  - **Thời hạn chiết khấu**
  - **Thủ tục chiết khấu**

3.3.3 Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

- **Tài khoản sử dụng:**
  - **TK 22: Chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá đối với các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước**
    - TK 221: Chiết khấu bằng VNĐ
    - TK 222: Chiết khấu bằng ngoại tệ
  - **TK 717: Thu phí chiết khấu**

3.3.3 Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

- **Tính toán chiết khấu:** $PV = FV * (1+i)^{-n}$

  Trong đó:

  - PV: số tiền cho vay chiết khấu (giá trị hiện tại)
  - FV: Giá trị nhận được trong tương lai
  - i: Lãi suất chiết khấu
  - n: Thời hạn còn lại của thương phiếu (Kỳ)

  => Lãi chiết khấu = DV = FV - PV

3.3.3 Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

- **Nhận chiết khấu:**
  - ***Cung ứng cho KH số tiền bằng PV:***

    Nợ TK Cho vay chiết khấu (2211, 2221)/KH

    Có TK thích hợp (TM,TGKKH)
  - ***Thu phí chiết khấu:***

    Nợ TK thích hợp

    Có TK 717
- **Định kỳ:** Dự thu lãi như cho vay thông thường

  Số lãi dự thu mỗi kỳ = DV/n (kỳ)

3.3.3 Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

- **Khi đáo hạn:**
  - ***Nếu khách hàng trả tiền***

    Nợ TK thích hợp : FV = PV + DV

    Có TK Cho vay chiết khấu : PV

    Có TK lãi phải thu (3941) : DV

  - ***Nếu khách hàng không trả được nợ => Chuyển Nợ quá hạn***

Ví dụ

Ngày 15/7/x tại NH Công thương tỉnh Long An có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

- Công ty Đại Nam đem chứng từ đến đề nghị NH chiết khấu theo bảng kê:
- Kỳ phiếu trả sau do NH Công thương Bến Tre phát hành, đáo hạn ngày 15/8/x, lãi suất 9,5%/năm, mệnh giá 10tr. Ls chiết khấu 0.9%/t. Lệ phí 20.000 đ.
- Nhận được tiền từ NH Công thương Bến Tre, số tiền 10.95tr. Số tiền này trả theo Bộ chứng từ ngân hàng đã chiết khấu ngày 15/7/x.

3.3.4 Kế toán lập dự phòng rủi ro và xử lý nợ xấu

- Lập dự phòng rủi ro
  - Theo QĐ 493/2005
  - Theo thông tư 02/2013

Sự khác biệt giöõa hai quy ñònh treân veà phaân loaïi nôï, trích laäp vaø söû duïng döï phoøng ñeå xöû lyù ruûi ro tín duïng?

3.3.4 Kế toán lập dự phòng rủi ro và xử lý nợ xấu

- Lập dự phòng rủi ro

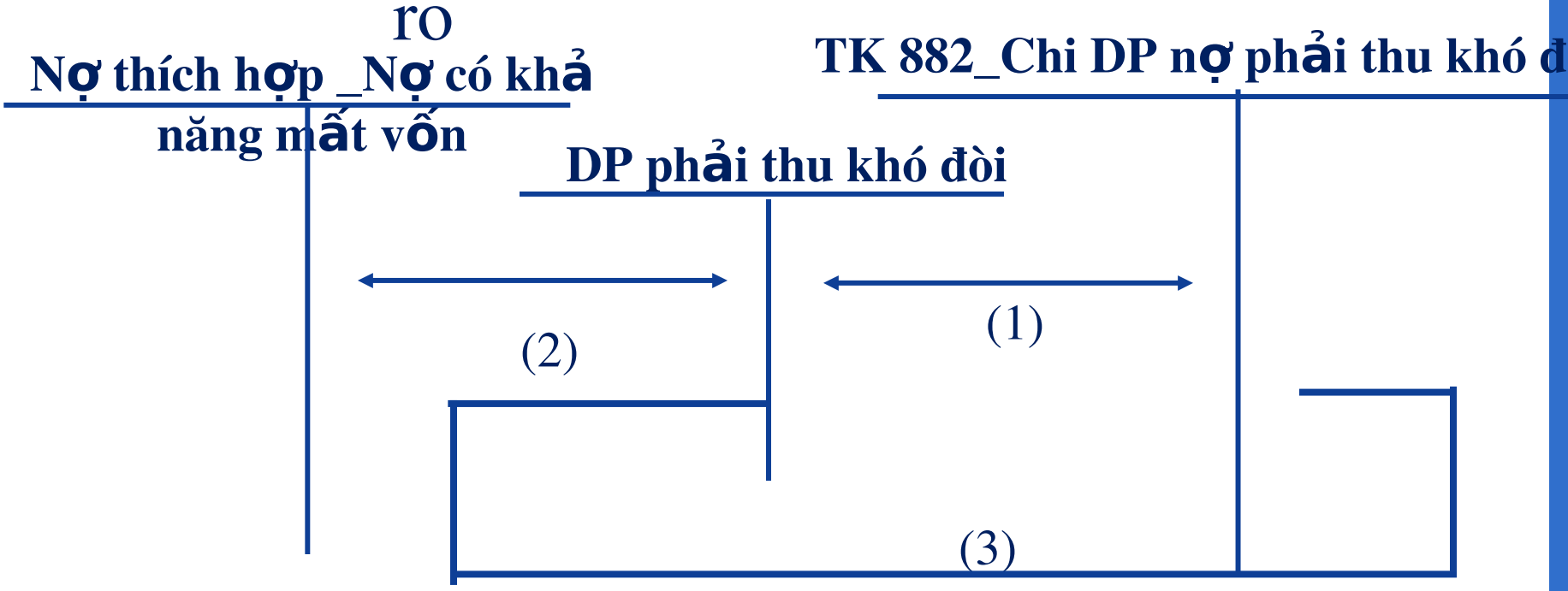

3.3.4 Kế toán lập dự phòng rủi ro và xử lý nợ xấu

- **Hạch toán – xử lý nợ**

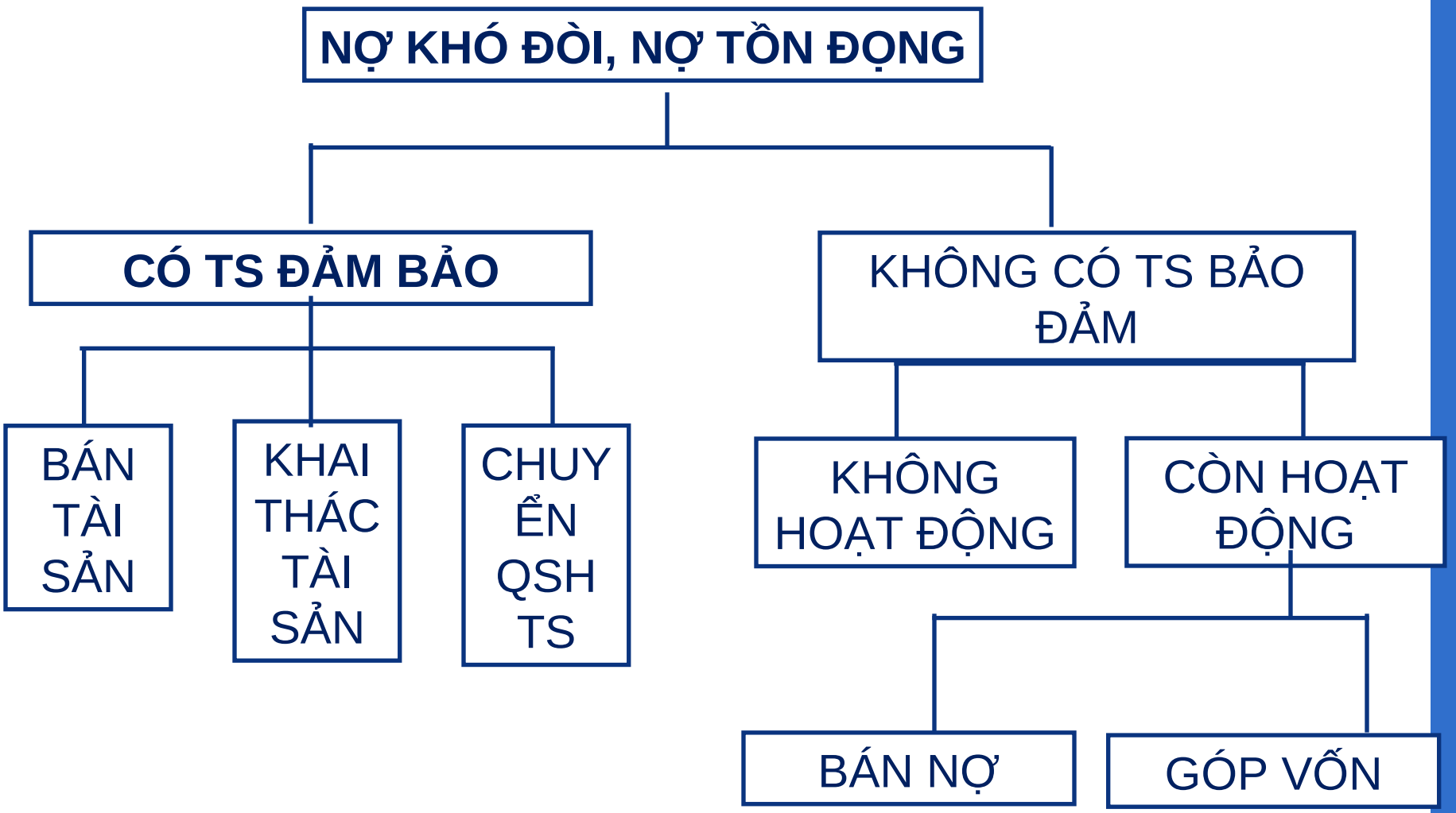

3.3.4 Kế toán lập dự phòng rủi ro và xử lý nợ xấu

- **Bán, khai thác TSĐB**

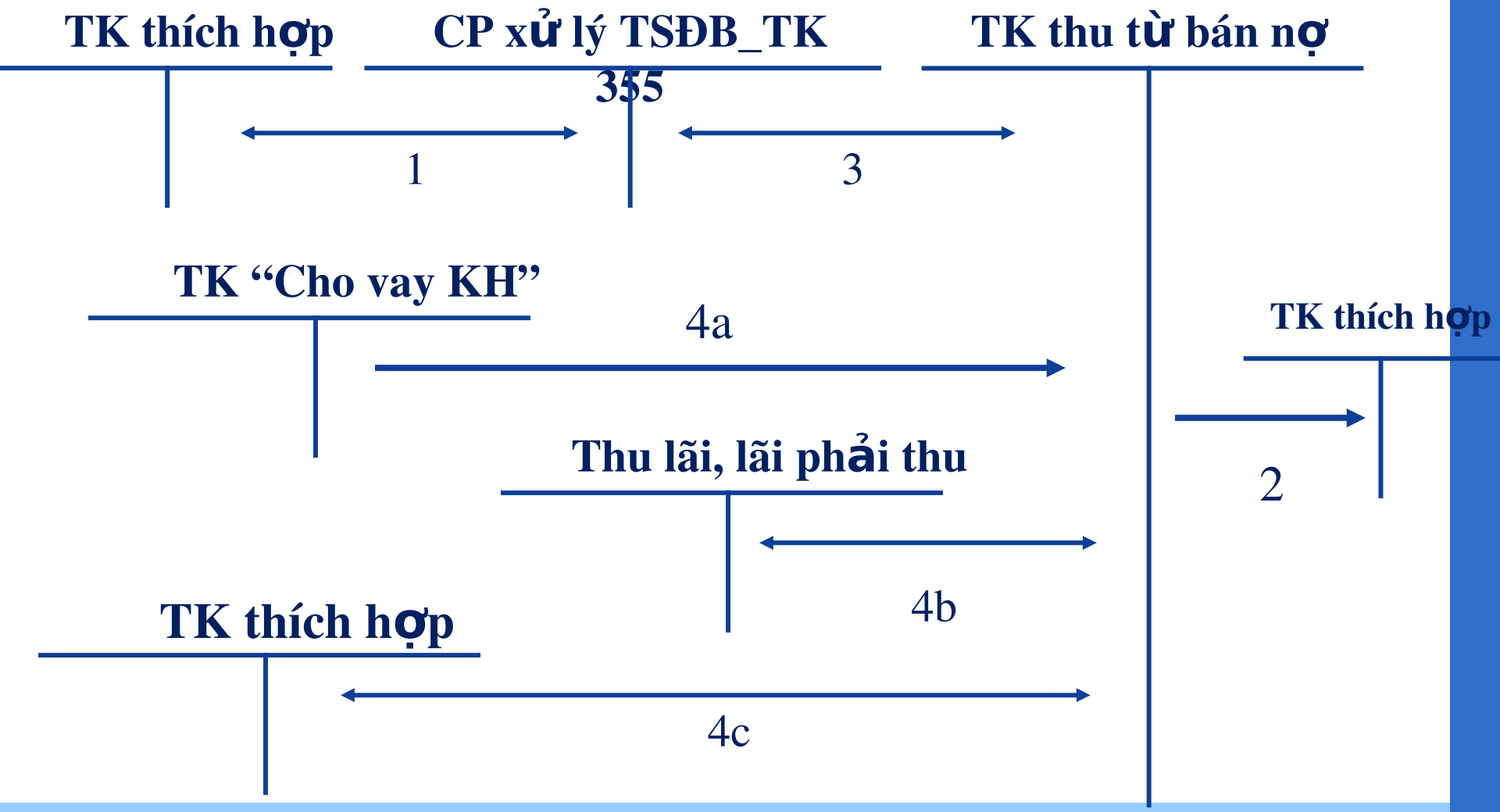

3.3.4 Kế toán lập dự phòng rủi ro và xử lý nợ xấu

- Hạch toán – xử lý nợ (chuyển quyền sở

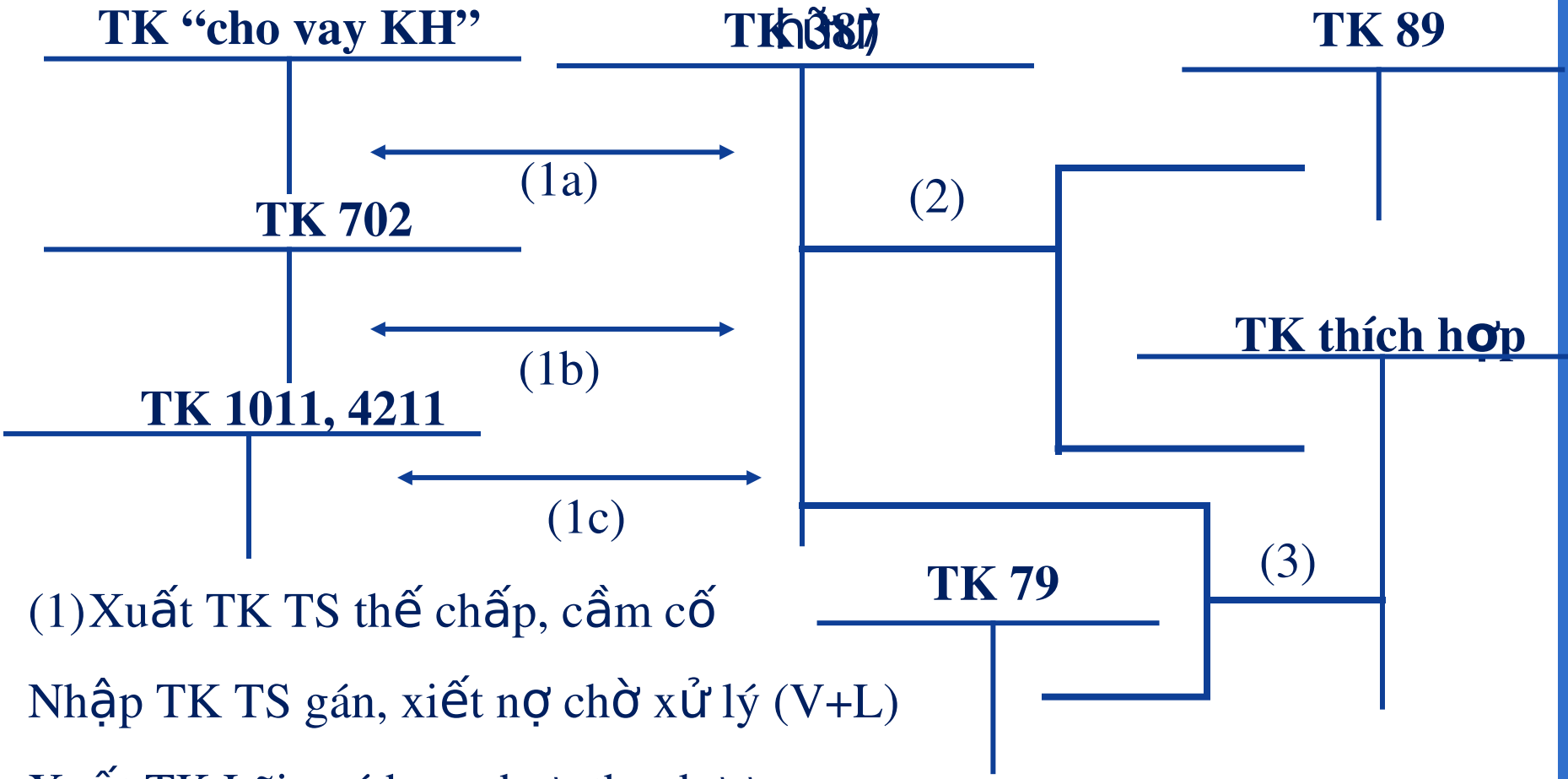

(1) Xuất TK TS thế chấp, cầm cố

Nhập TK TS gán, xiết nợ chờ xử lý (V+L)

Xuất TK Lãi quá hạn chưa thu được

(2) Xuất TK TS gán, xiết nợ chờ xử lý

Bài luận về nhà

- Xử lý và hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ tại Tổ chức tín dụng

Tổng kết chương

- Các nghiệp vụ tín dụng
- Xử lý, hạch toán nghiệp vụ cho vay
- Hiểu cách lập dự phòng rủi ro
- Xử lý nghiệp vụ xử lý nợ xấu